TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 30/2018/DS-ST Ngày 26-6-2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạn phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 22/01/2018 về "Tranh cchấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T – Có mặt

Địa chỉ: Đường V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Trương Trọng T1 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị D (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày: Thời gian trước tháng 9 năm 2014 ông Trương Trọng

T1 và chị gái ông T – bà Vũ Thị D là vợ chồng. Ngày 14/8/2013 ông T1 có điện thoại nhờ ông T vay giúp 20.000.000 đồng để bà D đi Hà Nội chữa bệnh và ông T đã đưa cho ông T1 vay 20.000.000 đồng. Khi vay hai bên thoả thuận miệng với nhau lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất trả vào cuối kỳ, không có tài sản bảo đảm. Ông T là người viết Giấy vay tiền, bà D là người ký xác nhận nợ, ông T đã đưa đủ tiền, ông T1 là người đếm và nhận tiền. Tháng 9/2014 ông T1 và bà D đã ly hôn. Từ khi vay đến nay, ông T1 - bà D chưa trả cho ông T khoản tiền gốc và lãi nào.

Nay ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Trọng T1 phải trả cho ông T 1/2 số tiền gốc mà ông T1 và bà D đã vay là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ông T xin rút yêu cầu ông T1 phải trả cho ông T 4.000.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn ông Trương Trọng T1 trình bày: Trước đây ông T1 là anh rể của ông Vũ Văn T, ngày 14/8/2013 vợ trước của ông T1 là bà Vũ Thị D có vay của ông T 20.000.000 đồng hay không, ông T1 không biết và không liên quan gì. Ông T1 và bà D đã ly hôn vào tháng 9 năm 2014.

Thời gian tháng 8/2013 bà D vẫn khoẻ, bình thường không có bệnh tật gì nên không có việc vay tiền để chữa bệnh và ông T1 cũng chưa bao giờ hỏi ông T để vay tiền, thời gian này bà D cũng không bỏ số tiền nào ra để chăm sóc cà phê, tiêu của gia đình.

Nay ông T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả ông T số tiền 10.000.000 đồng thì ông T1 không chấp nhận vì ông T1 không vay tiền của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D trình bày: Bà D là chị gái ông T, trước đây bà D và ông T1 là vợ chồng; đến tháng 9/2014 bà D và ông T1 thuận tình ly hôn. Bà D xác định ngày 14/8/2013 bà D và ông T1 có vay của ông T 20.000.000 đồng, lãi thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn vay 03 năm, không có tài sản bảo đảm, ông T viết giấy vay tiền, bà D đại diện ký xác nhận, là giấy vay tiền mà ông T giao nộp cho tòa. Khi vay ông T1 là người gọi điện cho ông T hỏi vay, mục đích vay là để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu của gia đình ông T1 - bà D. Nay ông T đòi ông T1 10.000.000 đồng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị D vắng mặt, nhưng bà D đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Vũ Thị D là chị gái ông Vũ Văn T, thời gian trước tháng 9/2014 bà D và ông T1 là vợ chồng. Cả ông T và bà D đều xác định ngày 14/8/2013 bà D và ông T1 có vay của ông T 20.000.000 đồng, lãi thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn vay 03 năm, không có tài sản bảo đảm, ông T viết giấy vay tiền, bà D đại diện ký xác nhận là giấy vay tiền mà ông T giao nộp cho Tòa án, khi vay ông T1 là người gọi điện cho ông T hỏi vay. Về phía ông T xác định ông T1 và bà D vay tiền là để cho bà D đi chữa bệnh, nhưng ông T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đi chữa bệnh của bà D, bà D lại xác định bà D và ông T1 vay tiền ông T là để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu của gia đình ông T1 - bà D. Trong giấy vay tiền mà ông T giao nộp cho Tòa án không có xác nhận của ông T1. Về phía ông T1 không thừa nhận có việc vay nợ này và xác định vào thời gian tháng 8/2013 bà D vẫn khỏe mạnh bình thường nên không chấp nhận yêu cầu của ông T.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông T chưa có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh ngày14/8/2013 ông T1 có vay tiền của ông T; Do đó việc ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả cho ông T 10.000.000 đồng là chưa có đủ căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu của ông T là phù hợp.

[4] Xét việc ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi; đây là sự tự nguyện của ông T nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Vũ Văn T phải chịu: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 281, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ: Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn T về việc yêu cầu ông Trương Trọng T1 trả cho ông T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) của ông Vũ Văn T đối với ông Trương Trọng T1, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn T phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm, khấu trừ 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số 0003108 ngày 19/01/2018, ông T còn phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"*.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư